

TIẾP TỤC TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHỦ ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

★ PGS, TS LÊ VĂN CHIẾN

*Viện Lãnh đạo học và Chính sách công,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

● **Tóm tắt:** Triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Bài viết làm rõ thành tựu, chỉ ra hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, đồng thời phân tích bối cảnh mới và đề xuất một số kiến nghị nhằm tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời gian tới.

● **Từ khóa:** Biến đổi khí hậu; quản lý tài nguyên; bảo vệ môi trường; phát triển bền vững; Nghị quyết 24-NQ/TW.

Continuing to strengthen resource management, environmental protection and proactively respond to climate change

● **Abstract:** Implementing Resolution No. 24-NQ/TW on proactively responding to climate change, strengthening resource management and environmental protection, Vietnam has achieved many important results. This article clarifies the achievements, points out the limitations and causes of those limitations in the implementation of Resolution No. 24-NQ/TW, analyzes the new context, and proposes several recommendations to strengthen resource management, environmental protection and proactively respond to climate change in the future.

● **Keywords:** climate change; resource management; environmental protection; sustainable development; Resolution 24-NQ/TW.

1. Mở đầu

Biến đổi khí hậu, suy thoái tài nguyên và ô nhiễm môi trường đang trở thành những thách thức toàn cầu, tác động sâu sắc đến sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam, một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, việc chủ động ứng phó

với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường không chỉ là yêu cầu cấp bách mà còn là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, gắn liền với mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Xuất phát từ yêu cầu đó, ngày 03-6-2013, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã

ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nghị quyết thể hiện bước chuyển quan trọng trong tư duy phát triển, khẳng định rõ quan điểm không đánh đổi môi trường để lấy tăng trưởng kinh tế, coi bảo vệ môi trường là nền tảng, điều kiện tiên quyết cho phát triển bền vững. Sau 10 năm triển khai thực hiện, việc tổng kết, đánh giá toàn diện những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân, đồng thời đề xuất các định hướng, giải pháp phù hợp với bối cảnh mới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cả về lý luận và thực tiễn.

2. Nội dung

2.1. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, chúng ta đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

Những thành tựu đạt được

Một là, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chuyển từ coi trọng ứng phó với biến đổi khí hậu sang chủ động giảm phát thải khí nhà kính, kết hợp với ứng phó với biến đổi khí hậu. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 khẳng định quan điểm “không đánh đổi môi trường để lấy sự tăng trưởng kinh tế”⁽¹⁾. Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp và cộng đồng về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

từng bước được nâng cao. Bảo vệ môi trường đã được các cấp, các ngành quan tâm hơn. Môi trường được coi là điều kiện, nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tư duy về bảo vệ môi trường được chuyển đổi từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm lớn⁽²⁾.

Quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chuyển từ coi trọng ứng phó với biến đổi khí hậu sang chủ động giảm phát thải khí nhà kính, kết hợp với ứng phó với biến đổi khí hậu. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 khẳng định quan điểm “không đánh đổi môi trường để lấy sự tăng trưởng kinh tế”.

Hai là, hoạt động quản lý tài nguyên có sự cải thiện, tiến bộ. Thực hiện Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10-5-2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông

nghiệp và Môi trường) đã chủ trì, phối hợp với các bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bước đầu điều tra, đánh giá nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện có của Việt Nam. Trên cơ sở đó, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra chủ trương và nhiều chính sách tăng trưởng kinh tế, từng bước giảm dần sự phụ thuộc vào công nghiệp khai khoáng. Đến nay, Việt Nam cơ bản đã chấm dứt xuất khẩu khoáng sản thô.

Ba là, công tác bảo vệ môi trường được triển khai rộng rãi, với sự tham gia của Nhà nước, người dân và doanh nghiệp. Giai đoạn 2013-2023, các công cụ quản lý môi trường được triển khai đồng bộ; tập trung quản lý các cơ sở có nguồn thải lớn (khu công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ lớn...) gây 70 - 80% các vấn đề môi trường⁽³⁾; Chính phủ đã ban hành Nghị định 35/2022/NĐ-CP về

quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế, trong đó quy định về chính sách phát triển khu công nghiệp sinh thái...

Bốn là, công tác ứng phó với biến đổi khí hậu được triển khai đồng bộ với sự tham gia và giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư. Ở cấp Trung ương có Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai; ở bộ và cơ quan ngang bộ có ban chỉ huy phòng, chống thiên tai của Bộ; Chính quyền có Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cùng cấp. Công tác phòng, chống thiên tai được xác định là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, thường xuyên của hệ thống chính trị và toàn xã hội. Đã có 57/63 tỉnh, thành phố ban hành kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025; 60/63 tỉnh, thành phố đã ban hành phương án ứng phó thiên tai⁽⁴⁾.

Nhiều giải pháp sẵn sàng phòng, chống thiên tai bước đầu đã được triển khai: công tác khí tượng thủy văn được tăng cường; năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo biến đổi khí hậu được nâng cao rõ rệt. Khí tượng thủy văn Việt Nam đã thực hiện tốt vai trò đầu mối trong chương trình dự báo thời tiết nguy hiểm, cảnh báo lũ quét cho khu vực Đông Nam Á⁽⁵⁾; dự báo, cảnh báo bão trong bản tin dự báo bão có độ chính xác dần tiệm cận với trình độ dự báo bão của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới⁽⁶⁾. Tính đến tháng 4-2022, mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn quốc gia đã có 1.804 trạm/điểm, đạt 30% so với Quy hoạch quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó 1.395 trạm/điểm (đạt khoảng 77,3%) được trang bị thiết bị quan trắc tự động⁽⁷⁾.

Chiến lược cắt giảm phát thải khí nhà kính của Việt Nam bước đầu được lồng ghép trong các chiến lược tổng thể khác, như Chiến lược

quốc gia về biến đổi khí hậu, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội... Nội dung giảm phát thải khí nhà kính được đưa vào Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi năm 2020, cùng với đó, hệ thống thể chế chính sách về giảm phát thải khí nhà kính được dần hình thành và triển khai.

Năm là, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học có nhiều chuyển biến tích cực. Các địa phương đã chủ động, tích cực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, đạt nhiều kết quả quan trọng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức trách nhiệm của toàn xã hội. Tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc liên tục tăng, từ 39,7% (năm 2011) lên 40,84% (năm 2015) và đạt 42% (năm 2020)⁽⁸⁾.

Sáu là, hoạt động nghiên cứu khoa học được đẩy mạnh theo hướng ứng dụng, chú trọng nghiên cứu cơ bản, nâng cao chất lượng nghiên cứu để ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường trong phạm vi đất nước và toàn cầu. Các kết quả nghiên cứu đã đề xuất được nhiều giải pháp, mô hình tích hợp thích ứng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu với sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Bảy là, bước đầu chú trọng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng năng lượng tái tạo. Đây được coi là con đường để thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đã có 68,5% doanh nghiệp nhận thức được lợi ích của áp dụng sản xuất sạch, 46,9% cơ sở sản xuất áp dụng sản xuất sạch, 12% đạt mức tiết kiệm 8% trở lên trong giảm nguyên nhiên liệu trên một đơn vị sản phẩm, 21% doanh nghiệp có bộ phận chuyên trách về hoạt động sản xuất sạch⁽⁹⁾.

Tám là, tích cực, chủ động tăng cường hợp tác quốc tế trong học tập kinh nghiệm ứng phó

với nước biển dâng; quy hoạch, tái cấu trúc nền kinh tế và các ngành sản xuất hướng tới giảm phát thải; phát triển thị trường các bon. Đặc biệt, Việt Nam đã tích cực tham gia các diễn đàn quốc tế về biến đổi khí hậu, tăng cường hợp tác trong khuôn khổ song phương và đa phương, qua đó tranh thủ các nguồn lực quốc tế.

Một số hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những thành tựu, quá trình thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW còn bộc lộ một số hạn chế sau:

Một là, hệ thống thể chế, chính sách, pháp luật về tài nguyên, môi trường ban hành chậm, thiếu đồng bộ, một số còn bất cập. Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chưa đầy đủ. Cơ sở pháp lý, chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường vừa thiếu, vừa chưa đủ mạnh. Thí dụ, mặc dù đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ, có tác động không nhỏ đến môi trường nhưng trong hệ thống pháp luật Việt Nam chưa có bộ tiêu chí đánh giá đô thị sinh thái để quản lý đô thị.

Hai là, nguồn lực tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường còn hạn chế, sử dụng chưa hiệu quả. Chưa có ngân sách riêng cho ứng phó với biến đổi khí hậu mà chung trong ngân sách dành cho môi trường. Trong khi đó, ngân sách nhà nước chi cho các hoạt động môi trường (cả biến đổi khí hậu) chỉ chiếm khoảng 1% tổng chi ngân sách. Việc sử dụng nguồn kinh phí này của một số bộ, ngành và địa phương còn dàn trải, chưa thật sự hiệu quả. Mặc dù nguồn lực tài chính dành cho các hoạt động này còn có nguồn viện trợ ODA, viện trợ quốc tế, đầu tư của khu vực tư nhân nhưng hiện nay, các nguồn lực tài chính mới đáp ứng được khoảng 30% nhu cầu⁽¹⁰⁾.

Ba là, việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường chưa đáp ứng yêu cầu phát

triển bền vững. Công tác quy hoạch, khai thác, sử dụng tài nguyên còn nhiều bất cập. Việc thực thi các chính sách, quy hoạch tài nguyên còn nhiều sai phạm. Nạn chặt phá rừng chưa được ngăn chặn quyết liệt và kịp thời, nạn khai thác cát bừa bãi trên các sông vẫn diễn biến phức tạp, gây sạt lở, ô nhiễm nguồn nước và ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh kế của một bộ phận dân cư.

Bốn là, tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn đáng lo ngại. Hầu hết điều kiện lao động ở các làng nghề đều không đạt tiêu chuẩn. Các nguy cơ độc hại mà người lao động tiếp xúc lớn. Cùng với đó là, ô nhiễm không khí, nguồn nước... làm giảm chất lượng môi trường sống của dân cư. Vẫn còn những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường chậm được phát hiện, ngăn chặn. ý thức bảo vệ môi trường công cộng tại một số địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư còn kém, chỉ coi trọng lợi ích kinh tế trước mắt, môi trường trong không gian gia đình và cá nhân mình, chưa nhận thức đầy đủ và quan tâm đúng mức đối với công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Quản lý nhà nước về ô nhiễm tiếng ồn chưa được chú trọng, nhất là ở các đô thị lớn.

Năm là, trang thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn mặc dù đã được đầu tư nhưng vẫn chưa đủ để giám sát toàn diện các diễn biến thiên tai ngày càng bất thường; công tác dự báo, cảnh báo mặc dù đã chủ động với hầu hết các thiên tai lớn như bão, lũ... nhưng đối với một số loại hình thiên tai xảy ra trong thời gian rất ngắn, phạm vi hẹp như mưa lớn cục bộ, lũ quét, sạt lở đất... vẫn còn hạn chế. Công tác phòng chống thiên tai vẫn chủ yếu tập trung khắc phục hậu quả, chưa chú trọng đúng mức đến chủ động phòng ngừa.

Những hạn chế trên xuất phát từ một số nguyên nhân:

Về khách quan: Những năm gần đây, thiên tai diễn ra ngày càng khốc liệt với tần suất dày hơn, gây ra thiệt hại rất nghiêm trọng⁽¹¹⁾; ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường là vấn đề phức tạp, việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả là việc khó, đòi hỏi phải tập trung nhiều công sức, thời gian, trí tuệ, do vậy trong thời gian ngắn khó có thể hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật; nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình tăng tốc nên rất khó cắt giảm tiêu hao nhiên liệu, điều đó góp phần làm suy giảm nguồn tài nguyên, phát triển nhanh sản xuất cùng với quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ và gia tăng dân số cũng làm tăng lượng xả thải và khí nhà kính.

Về chủ quan: Quan điểm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường của Đảng chưa được thực thi một cách kịp thời, đầy đủ và hiệu quả; hệ thống chính sách, pháp luật, tổ chức bộ máy về ứng phó với biến đổi khí hậu vẫn đang trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện; hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường chưa cao; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở các địa phương còn mỏng, chưa đáp ứng yêu cầu về chuyên môn; công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường phân chia cho nhiều bộ, ngành, dẫn đến triển khai trong thực tế còn chông chéo về chức năng, nhiệm vụ, thiếu đồng bộ trong phối hợp.

2.2. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết 24-NQ/TW đáp ứng yêu cầu tình hình mới

Bối cảnh mới ảnh hưởng tới việc chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Từ khi Nghị quyết số 24-NQ/TW ra đời đến nay, bối cảnh thế giới và trong nước đã có nhiều thay đổi lớn, tác động không nhỏ đến công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Bối cảnh thế giới: Theo Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO), kỷ nguyên “nóng lên toàn cầu” đã không còn, giờ đây Trái Đất đối diện với kỷ nguyên “sôi sục toàn cầu”, có sức tàn phá chưa từng có. Biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường ngày càng diễn biến phức tạp, rất đáng lo ngại; tài nguyên vẫn tiếp tục bị suy thoái. Hậu quả do biến đổi khí hậu gây ra không chỉ trong phạm vi từng quốc gia, mà xảy ra trên diện rộng, thực sự trở thành vấn đề toàn cầu, đòi hỏi các quốc gia cần đoàn kết và hợp tác chặt chẽ trong nỗ lực ứng phó của từng quốc gia cũng như của cộng đồng quốc tế. Các nước tham gia Thỏa thuận Paris đã đồng ý với những ràng buộc mạnh mẽ hơn về ứng phó với biến đổi khí hậu; Liên hợp quốc kêu gọi các nước thực hiện Chương trình nghị sự 2030 để đạt được 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs); Khung đa dạng sinh học toàn cầu Côn Minh- Montreal 2022 với mục tiêu đến năm 2030 phải bảo tồn 30% diện tích đất liền và biển; kinh tế tuần hoàn và cam kết phát thải khí nhà kính ròng bằng “0” vào năm 2050 được nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam cam kết thực hiện; Việt Nam và nhóm các Đối tác quốc tế đã thông qua Tuyên bố chính trị thiết lập Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP);... sẽ tạo ra sự thay đổi lớn trong giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

Tình hình thế giới đang có nhiều biến động to lớn, nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Xung đột vũ trang và chiến tranh thương mại, cùng với xu hướng “phân mảnh của nền kinh tế thế

giới⁽¹²⁾ có tác động tiêu cực đến an ninh năng lượng của nhiều quốc gia, khiến nhiều nước phải quay lại sử dụng nhiều hơn nhiên liệu hóa thạch, cản trở quá trình cắt giảm phát thải khí nhà kính. Tranh chấp quyền lực, lãnh thổ truyền thống đang từng bước chuyển hóa thành tranh chấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội. An ninh môi trường, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu, thiên tai; cùng với suy thoái môi trường, các loại dịch bệnh mới... đang là những vấn đề toàn cầu mà cả cộng đồng thế giới phải đối mặt. Bên cạnh đó là thuận lợi từ việc ứng dụng ngày càng rộng rãi những tiến bộ khoa học - công nghệ mới (trí tuệ nhân tạo, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số...) đến công tác chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Bối cảnh trong nước: Việt Nam đã ký kết và phê chuẩn nhiều điều ước quốc tế quan trọng liên quan đến ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Việt Nam còn tham gia nhiều tổ chức quốc tế nhằm nỗ lực cùng cộng đồng quốc tế hiện thực mục tiêu Cân bằng phát thải ròng vào năm 2050.

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam là chuyển từ ứng phó với biến đổi khí hậu là trọng tâm sang giảm phát thải khí nhà kính kết hợp với ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển nhanh và bền vững, carbon thấp. Quản lý và sử dụng tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả. Bảo vệ môi trường chuyển mạnh từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm lớn.

Biến đổi khí hậu ở Việt Nam diễn biến ngày càng phức tạp, hiện tượng thời tiết cực đoan

gây thiệt hại lớn xảy ra thường xuyên hơn. Việt Nam đứng thứ 5 về Chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu năm 2018 và thứ 8 về Chỉ số rủi ro khí hậu dài hạn⁽¹³⁾. Nếu không có các biện pháp thích ứng và giảm thiểu phù hợp, ước tính biến đổi khí hậu có thể khiến tới 100 triệu người trên thế giới rơi vào tình trạng nghèo đói cùng cực vào năm 2030 khiến Việt Nam mất khoảng 12 - 14,5% GDP vào năm 2050⁽¹⁴⁾.

Một số kiến nghị

Trên cơ sở các nội dung phân tích trên, bài viết kiến nghị Trung ương ban hành nghị quyết mới về tiếp tục tăng cường công tác quản lý tài nguyên bảo vệ môi trường với biến đổi khí hậu.

Về tên gọi, nghị quyết mới là *tiếp tục tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong tình hình mới*. So với 10 năm trước đây, tình hình thế giới và trong nước có nhiều thay đổi, nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam đã cam kết mạnh mẽ giảm phát thải khí nhà kính. Khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ số phát triển, tạo cơ hội để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, bên cạnh xung đột giữa các nước, biến đổi khí hậu cũng ngày càng phức tạp có thể gây khó khăn cho việc thực hiện phát triển kinh tế - xã hội và ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường. Tình hình đó đòi hỏi Đảng ta phải ban hành nghị quyết mới để kịp thời chỉ đạo công tác này.

Về quan điểm, nghị quyết mới cần quán triệt quan điểm:

(i) việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực phải lồng ghép giải pháp chủ động giảm phát thải khí nhà kính và ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới mục

tiêu: đến năm 2050, phát thải ròng của Việt Nam đạt mức bằng “0”. Đây là mục tiêu quan trọng được Thủ tướng Chính phủ cam kết với cộng đồng quốc tế. Việc thực hiện mục tiêu này không chỉ góp phần làm giảm nguy cơ biến đổi khí hậu, sự nóng lên toàn cầu mà còn ảnh hưởng tới uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

(ii) “Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu phải trên cơ sở hài hòa lợi ích giữa nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống của nhân dân, lợi ích của doanh nghiệp với yêu cầu về tính hệ thống, toàn diện và dài hạn của công tác này”. Bởi vì, nếu không giải quyết tốt mối quan hệ này thì sẽ phát sinh mâu thuẫn, thậm chí có những hành động không thực thi đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực này của người dân và doanh nghiệp.

(iii) “Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu phải dựa trên các thành tựu phát triển của khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ số, đổi mới sáng tạo; chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn; gắn với chuyển đổi năng lượng công bằng và phát triển bền vững; phục hồi và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên”. Bởi vì: Chuyển đổi số, những thành tựu khoa học và công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam có thể ứng dụng vào các hoạt động này, và chỉ trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ, nhất là công nghệ số, chúng ta mới thực hiện tốt công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Về nhiệm vụ, cần nhấn mạnh thực hiện một số nhiệm vụ sau:

Một là, rà soát lại hệ thống luật và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Sửa đổi các Luật Thuế, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công... theo hướng dành nhiều ưu tiên cho các doanh nghiệp chuyển đổi sang sản xuất xanh, đồng thời giám sát chặt chẽ (ứng dụng công nghệ số) việc xả thải, xử lý chất thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nâng cao mức phạt đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường của không chỉ các doanh nghiệp mà còn đối với người dân. Cần dành riêng một phần chi ngân sách cho sự nghiệp ứng phó với biến đổi khí hậu.

Hai là, xây dựng hệ thống chỉ tiêu về sản xuất xanh, sản phẩm xanh, đô thị sinh thái, nông thôn sinh thái, trong đó cần lưu ý có các tiêu chí về ô nhiễm tiếng ồn, làm thước đo đánh giá mức độ chuyển đổi sản xuất, tiêu dùng, lối sống theo hướng xanh. Chỉ khi có bộ chỉ số đo lường toàn diện, chính xác, phù hợp với thực tiễn thì mới có thể thường xuyên đánh giá mức độ chuyển biến của sản xuất, tiêu dùng và lối sống, qua đó nắm bắt được những mặt làm được, tiến bộ, những mặt chưa làm được, chưa tiến bộ hoặc xấu đi. Từ đó, mới có những giải pháp để phát huy các mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực trong các lĩnh vực được đo lường.

Ba là, tăng cường tuyên truyền và có chính sách khuyến khích doanh nghiệp và người dân chuyển đổi mô hình sản xuất, lối sống theo hướng xanh hơn. Đối với sản xuất, thực hiện ưu đãi cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải, chuyển đổi mô hình sản xuất của các làng nghề để hạn chế xả thải, gây ô nhiễm..., kiểm soát chặt chẽ và thu thuế, xử phạt đối với hành vi sản xuất gây

ô nhiễm môi trường, hạn chế sử dụng hóa chất độc hại trong sản xuất, nhất là trong nông nghiệp. Đối với tiêu dùng, cần tuyên truyền, vận động, đưa nội dung bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu vào giáo dục từ mầm non đến trung học phổ thông để người dân hình thành ý thức tiêu dùng xanh, hạn chế tối đa việc xả thải ra môi trường, giảm thiểu việc sử dụng các vật liệu khó tái chế, khó phân hủy như túi nilon, hóa chất trừ sâu, diệt cỏ, khắc phục tình trạng xả rác bừa bãi của người dân... Trước mắt, với các cơ quan nhà nước cần có quy định bắt buộc đối với mua sắm các sản phẩm như văn phòng phẩm thân thiện với môi trường.

Bốn là, xây dựng quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó chú ý quy hoạch tổng thể quản lý rác thải và chương trình mục tiêu quốc gia làm sạch các dòng sông, ao hồ, môi trường sống và tổ chức huy động toàn dân, các tổ chức xã hội tham gia bảo vệ môi trường nơi mình sinh sống, không xả thải xuống sông, hồ ao. Đây là giải pháp làm sạch môi trường hiện đang bị ô nhiễm nghiêm trọng, nhất là ở đô thị lớn và các làng nghề.

Năm là, chủ động tham gia cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các bon (theo Thỏa thuận Paris), chủ động hợp tác quốc tế trong chuyển giao kết quả giảm nhẹ nhằm thực hiện đóng góp do quốc gia tự quyết định; tham gia Cơ chế thúc đẩy giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và hỗ trợ phát triển bền vững, Cơ chế phi thị trường tích hợp, tổng thể và cân bằng; đẩy mạnh phát triển thị trường các bon trong nước và tích cực tham gia thị trường các bon thế giới. Khai thác tối đa cơ chế thị trường các bon thế giới để tạo nguồn vốn xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, phát triển đa dạng hóa sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Sáu là, tăng đầu tư và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đầu tư trang thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn nhằm nâng cao khả năng giám sát toàn diện các diễn biến thiên tai ngày càng bất thường.

Bảy là, các bộ, ngành, địa phương nhất quán thực hiện tốt các Chương trình quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu cho giai đoạn 2020 - 2050 (đây được coi là khâu yếu của Việt Nam những năm qua). Trong đó phân định rõ các mục tiêu ưu tiên dài hạn theo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm và các mục tiêu ngắn hạn. Bởi vì: Phân định rõ các mục tiêu ưu tiên dài hạn để có chính sách và chương trình hành động có hệ thống đi đôi với việc phân bổ nguồn lực nhằm tạo dựng cơ sở vật chất bền vững. Xác định rõ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có kết hợp với chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu và công việc quản lý phải dựa trên đánh giá kết quả thông qua các thước đo, tiêu chí.

Tám là, chủ động, tích cực hợp tác quốc tế trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên tinh thần độc lập, tự chủ. Chủ động đề xuất nhiều sáng kiến, cơ chế, phương thức hợp tác hiệu quả, nâng cao hình ảnh và vị thế đất nước. Bởi vì, trong bối cảnh thế giới hiện nay đang có nhiều biến động to lớn, nhanh chóng, phức tạp, khó lường, tranh chấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội là nguyên nhân cơ bản của tranh chấp quyền lực giữa các quốc gia. Vì vậy, Việt Nam phải có quan điểm độc lập, tự chủ trong hợp tác quốc tế quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Kết luận

Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW đã tạo ra những chuyển biến quan trọng trong nhận thức, thể chế và hành động của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và người dân đối với nhiệm vụ chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Những kết quả đạt được đã góp phần từng bước hình thành mô hình phát triển bền vững, xanh và thân thiện với môi trường ở Việt Nam.

Tuy nhiên, trước bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, suy thoái tài nguyên và ô nhiễm môi trường vẫn diễn biến nghiêm trọng, yêu cầu đặt ra là phải tiếp tục đổi mới tư duy phát triển, hoàn thiện thể chế, tăng cường nguồn lực và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện. Việc ban hành một nghị quyết mới, với nội dung cập nhật, tầm nhìn dài hạn và giải pháp đồng bộ là hết sức cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn mới □

Ngày nhận bài: 30-12-2025;

Ngày bình duyệt: 06-02-2026;

Ngày duyệt đăng: 24-3-2026.

Email tác giả: chienktpt72@gmail.com

(1) Thủ tướng Chính phủ: *Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 14-4-2022 Phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, <https://datafiles.chinhphu.vn>.

(2) Phương Đông: *Các cấp ủy, chính quyền và người dân đã tích cực ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường*, từ <https://tainguyenvamoitruong.vn>, 2023.

(3) Tạp chí Tài chính điện tử: *Chủ động kiểm soát, ngăn chặn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường*,

<https://tapchitaichinh.vn>, 2023.

(4) Tạp chí Kinh tế tài chính: *Phòng, chống thiên tai là nhiệm vụ thường xuyên của cả hệ thống chính trị*, <https://tapchikinhthetaichinh.vn>, 2023.

(5), (6) Trang Thông tin điện tử Cục Khí tượng thủy văn: *Tăng cường năng lực cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn*, từ <http://vnmh.gov.vn>, 2023.

(7) Tạp chí Nông nghiệp môi trường điện tử: *Tiếp tục hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn*, <https://tainguyenvamoitruong.vn>, 2022.

(9) Lưu Hương: *Đẩy mạnh sản xuất sạch hơn trong công nghiệp*, từ <https://baochinhphu.vn>, 2020.

(10) Tạp chí Tài chính điện tử: *Huy động nguồn lực tài chính để ứng phó với biến đổi khí hậu*, <https://tapchitaichinh.vn>, 2025.

(11) Năm 2016, thiên tai làm 264 người chết và mất tích, thiệt hại về kinh tế khoảng 39.726 tỷ đồng. Năm 2017, 386 người chết và mất tích, thiệt hại khoảng 60.000 tỷ đồng. Năm 2018, 224 người chết và mất tích, thiệt hại gần 20.000 tỷ đồng. Năm 2019, 133 người chết và mất tích, thiệt hại trên 7.000 tỷ đồng. Năm 2020, 357 người chết và mất tích, thiệt hại gần 40.000 tỷ đồng. Đặc biệt, chỉ trong vòng 45 ngày từ giữa tháng 9 đến cuối tháng 10-2020, mưa lũ lớn tại Trung Bộ làm 267 người chết và thiệt hại khoảng 35.800 tỷ đồng; trích từ Báo Quân đội nhân dân điện tử (24-6-2022): *Bài 1: Thiên tai ngày càng diễn biến bất thường, gây thiệt hại lớn*, <https://www.qdnd.vn>.

(12) VTV Online: *IMF: Sự phân mảnh nền kinh tế có thể làm giảm 7% GDP toàn cầu*, từ <https://vtv.vn>, 2023.

(13) Xem: Nguyễn Thị Hà: *Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay*, <https://tapchiconsan.org.vn>, 2022.

(14) Ngân hàng Thế giới: *Những điểm chính: Báo cáo Quốc gia về khí hậu và phát triển cho Việt Nam*, <https://www.worldbank.org>, 2022.